

ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP HCM

HỌC PHẦN THUẾ



CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ THUẾ

OVERVIEW OF TAXATION

GVGD: NGUYỄN ĐẶNG HẢI YẾN

T7/2020

MỤC TIÊU CHƯƠNG 1



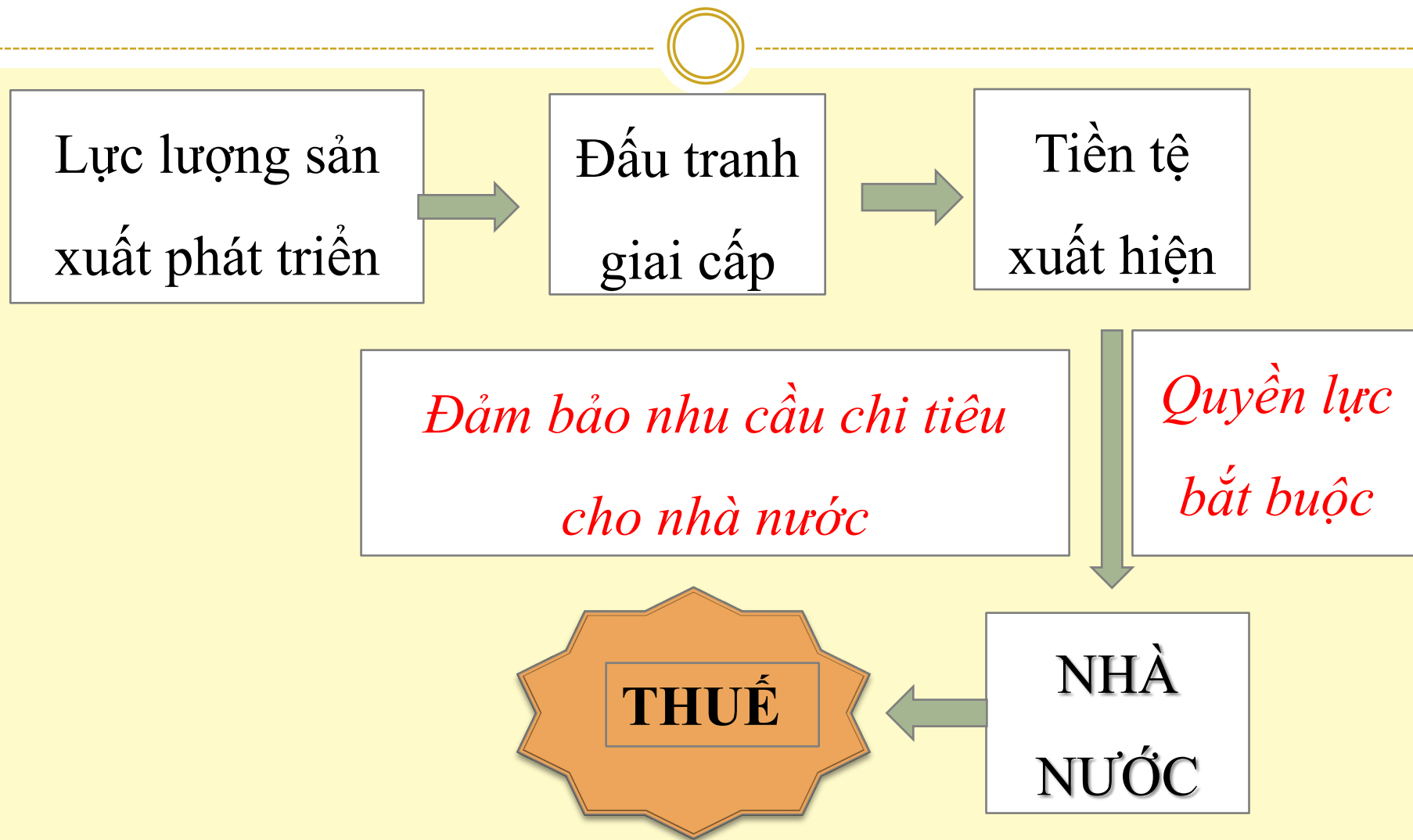
- Hiểu được quá trình hình thành và phát triển hệ thống Thuế ở Việt Nam.
- Nắm được các yếu tố cơ bản khi tiếp cận một luật thuế.
- Hiểu rõ bản chất của mỗi luật thuế khi áp dụng.
- Biết được vai trò của thuế đối với sự phát triển của nền kinh tế.

NỘI DUNG



1. NGUỒN GỐC HÌNH THÀNH & LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN.
2. BẢN CHẤT, CHỨC NĂNG, VAI TRÒ CỦA THUẾ.
3. PHÂN LOẠI THUẾ.
4. NGUYÊN TẮC KHI XÂY DỰNG HỆ THỐNG THUẾ.
5. MÔ HÌNH TỔ CHỨC CƠ QUAN THUẾ.
6. HỆ THỐNG CÁC LOẠI THUẾ HIỆN HÀNH.
7. QUẢN LÝ THUẾ TẠI VIỆT NAM.

1.1. NGUỒN GỐC HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN



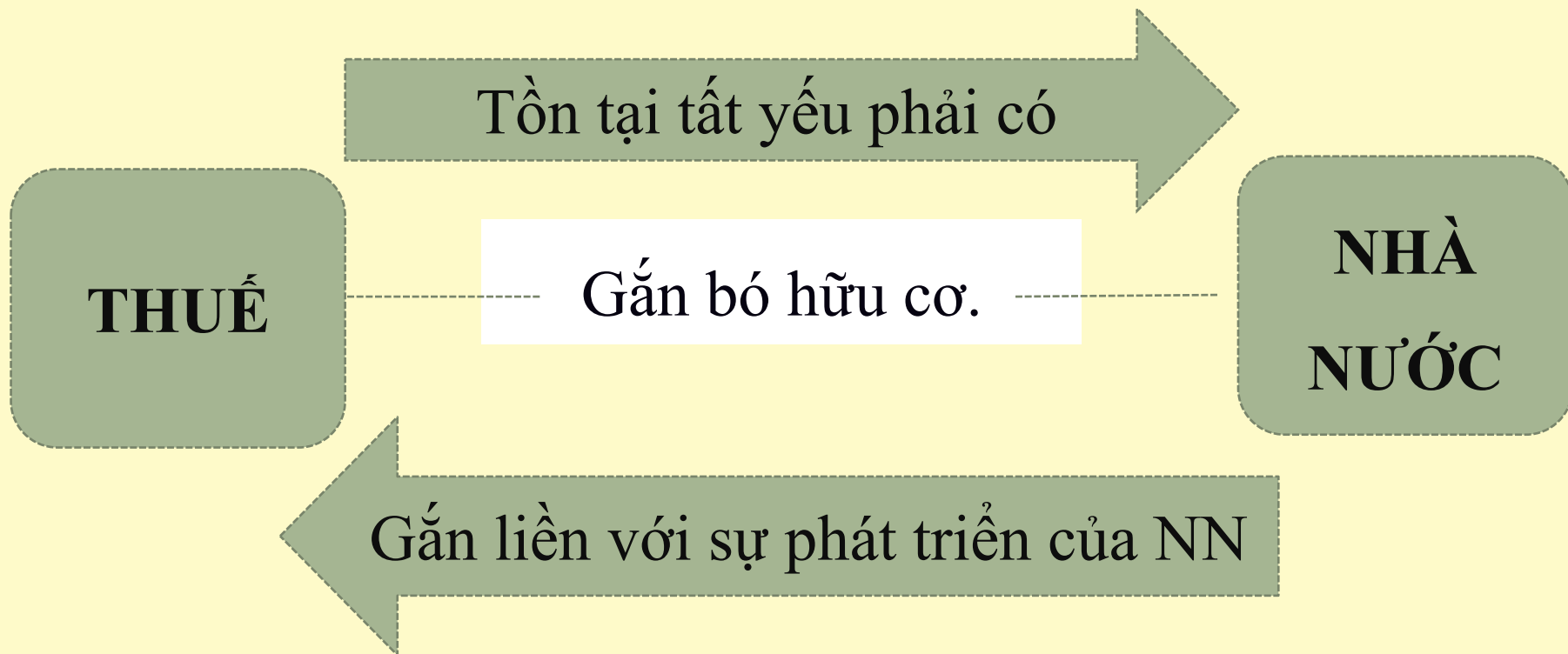
1.1. NGUỒN GỐC HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN



- Để có nguồn tài chính đáp ứng nhu cầu chi tiêu, Nhà nước thường sử dụng 3 hình thức động viên: quyên góp của dân, vay của dân và dùng quyền lực bắt buộc dân phải đóng góp.
- Hình thức dùng quyền lực bắt buộc dân phải đóng góp chính là Thuế.
- Thuế có thể thu bằng hiện vật và bằng tiền.

1.1. NGUỒN GỐC HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

- ❑ Mối quan hệ giữa Nhà nước và Thuế



1.1. NGUỒN GỐC HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN



- Quá trình hình thành và phát triển hệ thống thuế ở mỗi quốc gia sẽ gắn liền với sự phát triển của nền kinh tế cũng như bộ máy quản lý nhà nước và chế độ chính trị của chính quốc gia đó.
- Trong từng giai đoạn phát triển cụ thể của nền kinh tế, các luật thuế cũng được điều chỉnh sao cho phù hợp nhằm đảm bảo nguồn thu để Nhà nước thực hiện các chức năng của mình và đồng thời thúc đẩy nền kinh tế phát triển

1.1. NGUỒN GỐC HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN



Quá trình phát triển của Thuế tại Việt Nam được chia thành 4 giai đoạn:

- a. Giai đoạn trước cuộc CMT8 năm 1945 (Thời kỳ phong kiến – thời kỳ Pháp thuộc)
- b. Giai đoạn sau CMT8 năm 1945 (1945- 1954)
- c. Giai đoạn 1954 – 1975.
- d. Giai đoạn sau năm 1975.

1.1. NGUỒN GỐC HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN



a. Giai đoạn trước cuộc CMT8 năm 1945.

❖ Thời kỳ phong kiến

- Thời kỳ đầu dựng nước: Thuế được Nhà nước thu dưới hình thức hiện vật, cống nạp chủ yếu bằng lương thực, thực phẩm, thú vật săn bắt.
- Thời kỳ Bắc thuộc: Thuế tồn tại dưới dạng cống nạp, tô và thuế. Vào thời nhà Đường từ thế kỷ VII đến thế kỷ thứ X, có một số loại thuế như Tô, Dung, Điều.

1.1. NGUỒN GỐC HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN



a. Giai đoạn trước cuộc CMT8 năm 1945.

❖ Thời kỳ phong kiến

Thời kỳ chế độ phong kiến dân tộc: Nhà nước sử dụng các loại thuế trực thu: thuế điền và thuế thân.

- Thuế điền (thuế ruộng): Thuế đánh vào ruộng công và ruộng tư bằng hiện vật là thóc lúa.
- Thuế thân (thuế đinh): Là loại thuế mà con trai phải nộp gắn liền với số ruộng đất của từng người được chia.

1.1. NGUỒN GỐC HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN



a. Giai đoạn trước cuộc CMT8 năm 1945.

❖ Thời kỳ pháp thuộc (1858 – 8/1945).

Nhà nước quy định nhóm thuế gián thu và thuế trực thu như sau:

- Thuế gián thu: thuế rượu, thuế muối, thuế thuốc phiện, thuế tiêu thụ diêm, thuế hải quan, thuế xuất khẩu gạo...
- Thuế trực thu: giữ nguyên thuế thân và thuế điền, thêm một số loại thuế khác như thuế môn bài, thuế tàu thuyền....

1.1. NGUỒN GỐC HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN



b. Giai đoạn 8/1945 – 1954.

Việc nộp thuế trong giai đoạn này mang tính chất động viên và tự nguyện và lúc này ở Việt Nam chưa có chính sách thuế thống nhất

- Ngày 10/9/1945: Chính phủ ban hành sắc lệnh 27/SL để thành lập Sở thuế quan và thuế gián thu.
- Ngày 25/3/1946 Thành lập Nha thuế trực thu Việt Nam.

1.1. NGUỒN GỐC HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN



b. Giai đoạn 8/1945 – 1954.

Cuối năm 1954, Nhà nước đã công bố một hệ thống thuế tương đối hoàn chỉnh và lần lượt được ban hành để áp dụng thống nhất trên toàn diện Miền Bắc. Hệ thống thuế Việt Nam trong giai đoạn này được thu dưới các hình thức:

- Hiện vật: Thuế nông nghiệp.
- Tiền mặt: 12 loại thuế (Doanh nghiệp, buôn chuyển, hàng hóa, sát sinh, thổ trạch, môn bài, trước bạ, muối, rượu, XNK, kinh doanh nghệ thuật, lợi tức doanh nghiệp)

1.1. NGUỒN GỐC HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN



c. Giai đoạn 1954 - 1975.

Hệ thống thuế Việt Nam phân hóa ở hai miền rõ rệt.

- Miền Bắc: Hệ thống thuế chuyển từ ít mức thuế suất sang nhiều mức thuế suất khác nhau.
- Miền Nam: Tồn tại song song hai chế độ:
 - Chính quyền cách mạng: chủ yếu là sự quyên góp của nhân dân, viện trợ của miền Bắc, thu chiếm lợi phẩm và tự SX
 - Chính quyền ngụy Sài gòn: viện trợ của Mỹ....

1.1. NGUỒN GỐC HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN



d. Giai đoạn sau 1975

Chính sách thuế cũng có nhiều chỉnh sửa cho phù hợp với tình hình đổi mới.

- Từ năm 1975-1980: Chính sách thuế ở hai miền khác nhau. Miền Bắc vẫn áp dụng hệ thống thuế như trước năm 1975. Miền Nam tạm thời áp dụng hệ thống thuế như trước giải phóng.
- Từ năm 1980: thống nhất hệ thống thuế trên cả nước.
- Từ năm 1980- đến nay: cải cách thuế và ngành thuế

1.1. NGUỒN GỐC HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN



Ngày 28/12/1989 Quốc hội khóa VIII kỳ họp thứ 6 ban hành hệ thống thuế mới, hoàn chỉnh nhất từ trước đến nay, gồm có 9 loại:

- | | |
|----------------------------|---------------------|
| 1. Thuế nông nghiệp. | 6. Thuế nhà đất |
| 2. Thuế doanh thu. | 7. Thuế tài nguyên. |
| 3. Thuế tiêu thụ đặc biệt. | 8. Thuế thu nhập. |
| 4. Thuế xuất nhập khẩu. | 9. Thuế vốn. |
| 5. Thuế lợi tức. | |

Ngoài ra còn có một số phí & lệ phí như: lệ phí môn bài, lệ phí...

SẮC THUẾ

BƯỚC 1

Hình thức văn bản & ngày ban hành

Luật

Pháp lệnh

1. Thuế doanh thu

08/08/1990

2. Thuế tiêu thụ đặc biệt

08/08/1990

3. Thuế lợi tức

08/08/1990

4. Thuế xuất nhập khẩu

26/12/1991

5. Thuế sử dụng đất nông nghiệp

24/07/1993

6. Thuế tài nguyên

30/03/1990

7. Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao

27/12/1990

8. Thuế nhà đất

31/07/1992

9. Thuế môn bài

19/10/1991

SẮC THUẾ

BƯỚC 2

Hình thức văn bản & ngày ban hành

Luật

Pháp lệnh

1. Thuế giá trị gia tăng

22/05/1997

2. Thuế tiêu thụ đặc biệt (mới)

10/06/1998

3. Thuế thu nhập doanh nghiệp

22/05/1997

4. Sửa đổi bổ sung thuế XNK

01/06/1998

5. Thuế sử dụng đất nông nghiệp

24/07/1993

6. Sửa đổi bổ sung thuế CQSDĐ

13/01/2000

7. Sửa đổi thuế tài nguyên

16/04/1998

8. Thuế TN đối với NCTNC (mới)

19/05/1994

9. Sửa đổi bổ sung thuế nhà đất

19/05/1991

10. Thuế môn bài

09/09/1996

SẮC THUẾ

BƯỚC 2

Hình thức văn bản & ngày ban hành

Luật

1. Thuế giá trị gia tăng

03/06/2008

2. Thuế tiêu thụ đặc biệt

14/11/2008

3. Thuế xuất nhập khẩu

14/06/2005

4. Thuế bảo vệ môi trường

15/11/2010.

5. Thuế thu nhập doanh nghiệp

03/06/2008

6. Thuế thu nhập cá nhân

21/11/2007

7. Thuế sử dụng đất nông nghiệp

10/07/1993

8. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

17/06/2010

9. Thuế tài nguyên

25/11/2009

1.1. NGUỒN GỐC HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN



Hiện nay hệ thống thuế ở Việt nam có 9 loại thuế và các loại phí, lệ phí.

Thuế gián thu	Thuế trực thu	Phí và lệ phí
1. Thuế GTGT	1. Thuế TNDN.	1. Lệ phí trước bạ.
2. Thuế TTĐB.	2. Thuế TNCN	2. Lệ phí đăng ký
3. Thuế XNK	3. Thuế SDĐNN	3. Lệ phí môn bài
4. Thuế BVMT	4. Thuế SDĐPNN
	5. Thuế tài nguyên	

1.2. KHÁI NIỆM- BẢN CHẤT – CHỨC NĂNG – VAI TRÒ



Kinh tế học	Phân phối thu nhập	Người nộp thuế.
Thuế là một biện pháp đặc biệt, theo đó nhà nước sử dụng quyền lực của mình để chuyển một phần nguồn lực từ khu vực tư sang khu vực công, nhằm thực hiện các chức năng kinh tế Xã hội	Thuế là hình thức phân phối và phân phối lại tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân nhằm hình thành các quỹ tiền tệ tập trung của Nhà nước để đáp ứng các nhu cầu chi tiêu cho việc thực hiện các chức năng nhiệm vụ của Nhà nước	Thuế được coi là một khoản đóng góp bắt buộc mà mỗi tổ chức, cá nhân phải có nghĩa vụ đóng góp cho nhà nước theo luật định để đáp ứng nhu cầu chi tiêu cho việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước

1.2. BẢN CHẤT – CHỨC NĂNG – VAI TRÒ



□ KHÁI NIỆM.

Thuyết khế ước	Thuyết quyền lực	Các quan điểm hiện đại
Thuế là kết quả tất yếu của một khế ước mặc định giữa nhà nước và dân chúng	Thuế thể hiện bổn phận, nghĩa vụ bắt buộc của dân chúng đối với Nhà nước.	Thuế là khoản đóng góp mang tính bắt buộc của dân chúng cho nhà nước đảm bảo các nhu cầu của nhà nước, phục vụ cho các lợi ích chung của xã hội

1.2. KHÁI NIỆM- BẢN CHẤT – CHỨC NĂNG – VAI TRÒ



□ KHÁI NIỆM.

Thuế là một khoản đóng góp bắt buộc của pháp nhân, thể nhân cho Nhà nước theo mức độ và thời hạn được pháp luật quy định, không mang tính chất hoàn trả trực tiếp, nhằm sử dụng mục đích chung cho xã hội.

Ngoài các khoản thu về thuế, Nhà nước còn thu các khoản phí và lệ phí.



1.2. KHÁI NIỆM- BẢN CHẤT – CHỨC NĂNG – VAI TRÒ



□ KHÁI NIỆM.

Theo Luật quản lý thuế 2019, Thuế là một khoản nộp ngân sách nhà nước bắt buộc của tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân theo quy định của các luật thuế

(Khoản 1, Điều 3, Luật quản lý thuế năm 2019)



1.2. KHÁI NIỆM- BẢN CHẤT – CHỨC NĂNG – VAI TRÒ



❑ ĐẶC ĐIỂM:

- Là khoản trích nộp bằng tiền, bắt buộc, được thực hiện thông qua con đường quyền lực.
- Là khoản thu có tính chất xác định.
- Là khoản thu không có đối khoản cụ thể, không hoàn trả trực tiếp nhằm đáp ứng nhu cầu chi tiêu của nhà nước trong việc thực hiện các chức năng của mình.
- Là khoản thu có tính không đồng nhất.



1.2. KHÁI NIỆM- BẢN CHẤT – CHỨC NĂNG – VAI TRÒ



❑ ĐẶC TÍNH:

- Tính bắt buộc: Là đặc tính cơ bản của Thuế. Nhà nước quy định việc nộp thuế thông qua các văn bản pháp luật.
- Tính không đồng nhất: Không đồng nhất giữa số tiền nộp thuế là lợi ích nhận được từ việc nộp thuế của người chịu thuế.
- Tính không hoàn trả trực tiếp: Nhà nước sử dụng tiền thuế để chi thường xuyên và chi đầu tư, phát triển. Người nộp thuế nhận được lợi ích gián tiếp từ việc sử dụng tiền thuế của Nhà nước



1.2. KHÁI NIỆM- BẢN CHẤT – CHỨC NĂNG – VAI TRÒ



❑ **BẢN CHẤT:**

- Là khoản thu mang tính chất bắt buộc của Nhà nước.
- Biểu hiện bên ngoài của thuế là sự vận động độc lập tương đối của tiền.
- Bản chất bên trong của thuế là sự cưỡng bức nguồn tài chính từ nhân dân được thực hiện bởi nhà nước



1.2. KHÁI NIỆM- BẢN CHẤT – CHỨC NĂNG – VAI TRÒ



❑ CHỨC NĂNG

1. CHỨC NĂNG PHÂN PHỐI

- Phân phối lần đầu.
- Phân phối lại

- Đảm bảo nguồn thu cho NSNN.
- Điều tiết thu nhập trong xã hội, đảm bảo công bằng xã hội

2. CHỨC NĂNG

QUẢN LÝ ĐIỀU TIẾT VĨ MÔ NỀN KINH TẾ

- Khắc phục những bất cân bằng của thị trường

1.2. KHÁI NIỆM- BẢN CHẤT – CHỨC NĂNG – VAI TRÒ



□ CHỨC NĂNG – PHÂN PHỐI .

Là sự huy động một bộ phận thu nhập quốc dân dưới hình thức tiền tệ vào ngân sách nhà nước:

- Phần lớn thuế đánh vào hàng hóa và thu nhập.
- Người có thu nhập cao và có chi tiêu nhiều sẽ đóng thuế nhiều hơn.
- Nhà nước dùng số tiền thuế thu được để chi tiêu vào những mục đích xã hội của nhà nước, tạo công bằng tương đối cho xã hội

1.2. KHÁI NIỆM- BẢN CHẤT – CHỨC NĂNG – VAI TRÒ



□ CHỨC NĂNG – PHÂN PHỐI LẦN ĐẦU.

Là sự phân phối phần thu nhập cơ bản giữa những chủ thể trực tiếp tham gia vào quá trình sáng tạo ra sản phẩm quốc dân. Mục đích của phân phối lần đầu để bù đắp tiêu hao vật chất, trả lương cho người lao động, hình thành các quỹ tại doanh nghiệp nhằm hình thành nên những thu nhập cơ bản

1.2. KHÁI NIỆM- BẢN CHẤT – CHỨC NĂNG – VAI TRÒ



□ CHỨC NĂNG – PHÂN PHỐI LẠI

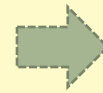
Là quá trình tiếp tục phân phối phần thu nhập cơ bản, quỹ tiền tệ được hình thành sau phân phối lần đầu ra phạm vi rộng hơn, nhằm điều tiết các nguồn tiền tệ để đảm bảo sự phát triển cân đối giữa các ngành, địa phương, vùng kinh tế và điều tiết thu nhập giữa các tổ chức kinh tế và dân cư, rút ngắn khoảng cách chênh lệch về thu nhập giữa các tầng lớp

1.2. KHÁI NIỆM- BẢN CHẤT – CHỨC NĂNG – VAI TRÒ



❑ CHỨC NĂNG – ĐIỀU TIẾT VĨ MÔ NỀN KINH TẾ

- Sẽ ảnh hưởng đến mức độ & cơ cấu của tổng cầu, thuế có thể thúc đẩy hoặc kìm hãm sản xuất tác động đến sản lượng tiềm năng.
- Thuế thu nhập ảnh hưởng trực tiếp đến việc xác định tiền lương
- Thuế đánh vào hàng hoá có thể tác động đến việc mua sắm, sử dụng & khấu hao TSCĐ.



Điều tiết, kích thích các hoạt động kinh tế đi vào quỹ đạo chung, phù hợp với lợi ích kinh tế xã hội.



1.2. KHÁI NIỆM- BẢN CHẤT – CHỨC NĂNG – VAI TRÒ



❑ MỐI QUAN HỆ GIỮA HAI CHỨC NĂNG

Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo
điều kiện tăng thu nhập

PHÂN

PHỐI

ĐIỀU

TIẾT

KTVM

Can thiệp trên diện rộng và theo
chiều sâu tới quá trình SXKD



1.2. KHÁI NIỆM- BẢN CHẤT – CHỨC NĂNG – VAI TRÒ



□ VAI TRÒ CỦA THUẾ.

- Là công cụ huy động nguồn tài chính, một phần của cải vật chất xã hội vào ngân sách nhà nước.
- Là công cụ góp phần điều hòa thu nhập, đảm bảo công bằng, sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế.
- Là công cụ quản lý điều tiết vĩ mô nền kinh tế.
- Là công cụ thực hiện kiểm tra, kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh



1.3. PHÂN LOẠI



- 1 Theo phương thức đánh thuế**
- 2 Theo cơ sở tính thuế**
- 3 Theo chế độ phân cấp**
- 4 Theo mức thuế**

1.3. PHÂN LOẠI



❑ PHƯƠNG THỨC ĐÁNH THUẾ

- **Thuế trực thu** là loại thuế đánh trực tiếp vào thu nhập hoặc tài sản của người chịu thuế, do người chịu thuế trực tiếp nộp cho nhà nước.
- **Thuế gián thu** là loại thuế không trực tiếp đánh vào thu nhập hay tài sản của người chịu thuế mà điều tiết thông qua giá cả hàng hóa dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khi tiêu dùng hàng hóa dịch vụ trên thị trường

1.3. PHÂN LOẠI



❑ PHƯƠNG THỨC ĐÁNH THUẾ

TIÊU CHÍ	THUẾ GIÁN THU	THUẾ TRỰC THU
Đối tượng chịu thuế
Người chịu thuế
Người nộp thuế
Tác dụng
Ưu điểm
Nhược điểm

LƯU Ý



TÍNH LŨY THOÁI

- Người tiêu dùng là giàu hay nghèo, thu nhập cao hay thấp nếu cùng tiêu dùng một lượng HHDV như nhau thì cùng phải chịu một mức thuế như nhau.
- So số thuế này với tổng thu nhập của họ thì rõ ràng người có thu nhập càng cao, tỷ lệ thuế gián thu so với tổng Thu nhập càng thấp

TÍNH LŨY TIẾN

- Thu nhập và tiền thuế mà người nộp thuế chịu tỷ lệ thuận, nghĩa là thu nhập càng cao thì tỷ lệ thuế so với tổng thu nhập càng cao.
- Thể hiện rõ nét ở các loại thuế đánh trên thu nhập

1.3. PHÂN LOẠI



❑ CƠ SỞ ĐÁNH THUẾ

1

THUẾ ĐÁNH
VÀO HÀNG
HÓA DỊCH
VỤ

2

THUẾ ĐÁNH
VÀO THU
NHẬP

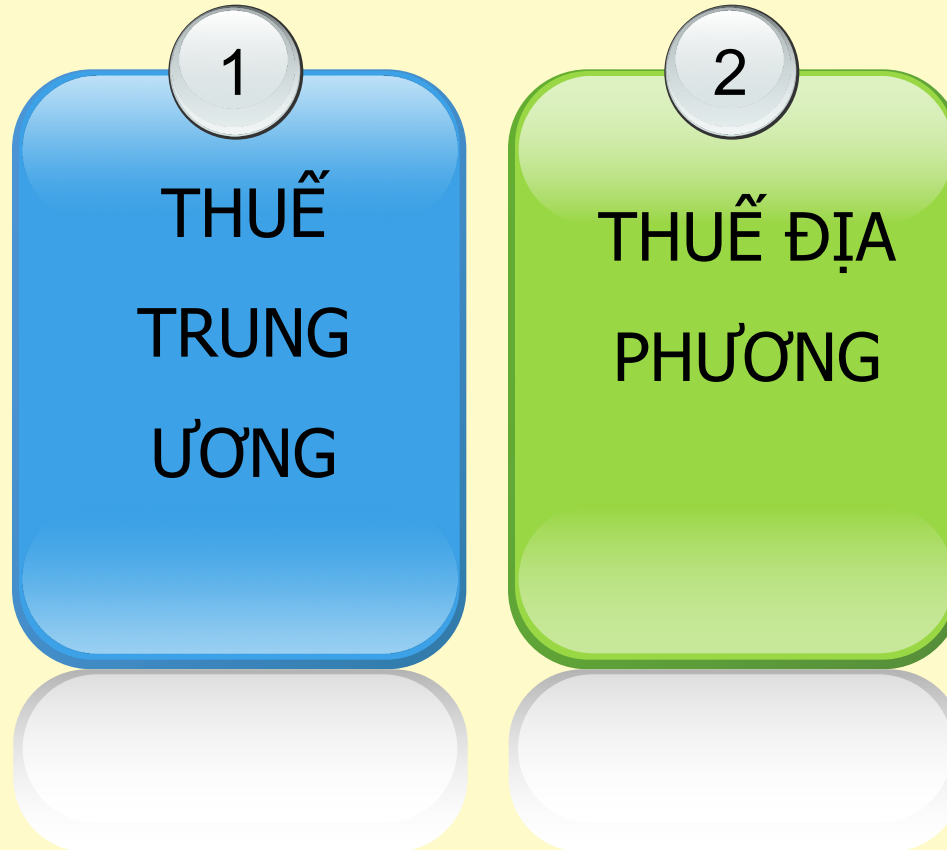
3

THUẾ ĐÁNH
VÀO TÀI
SẢN

1.3. PHÂN LOẠI



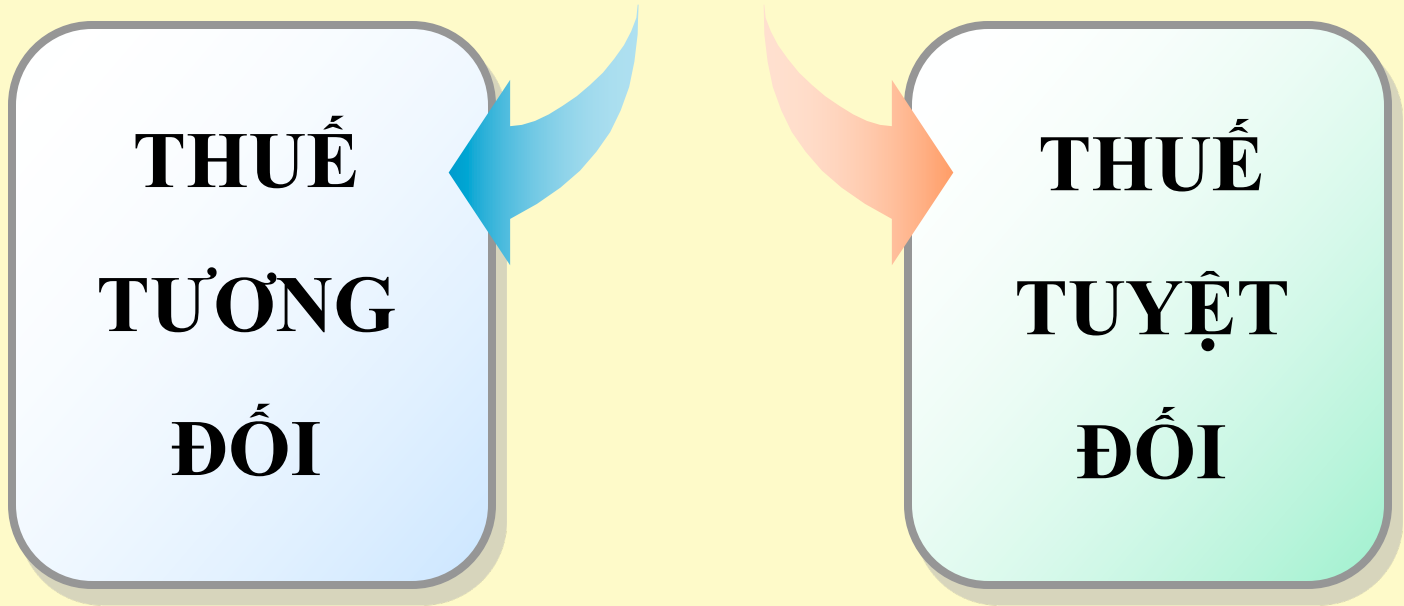
❑ PHÂN CẤP ĐÁNH THUẾ



1.3. PHÂN LOẠI



❑ MỨC THUẾ SUẤT



1.4. NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG HỆ THỐNG THUẾ



NGUYÊN TẮC CÔNG BẰNG



NGUYÊN TẮC HIỆU QUẢ



NGUYÊN TẮC KHÁC

1.4. NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG HỆ THỐNG THUẾ



❑ NGUYÊN TẮC CÔNG BẰNG

Công bằng theo lợi
ích được hưởng

Công bằng theo khả
năng chi trả:

- Công bằng ngang.
- Công bằng dọc

1.4. NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG HỆ THỐNG THUẾ



❑ NGUYÊN TẮC CÔNG BẰNG – LỢI ÍCH ĐƯỢC HƯỞNG

Theo nguyên tắc này thì việc thiết lập hệ thống thuế phải căn cứ vào lợi ích mà người chịu thuế có thể nhận được từ những hàng hóa xã hội mà nhà nước cung cấp.

Trở ngại



Rất khó xác định chính xác và đầy đủ lợi ích mà người chịu thuế nhận được.

1.4. NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG HỆ THỐNG THUẾ



❑ NGUYÊN TẮC CÔNG BẰNG – KHẢ NĂNG CHI TRẢ

Theo nguyên tắc này thì việc thiết lập hệ thống thuế phải căn cứ vào khả năng thu nhập của mỗi người

Trở ngại



- Rất khó xác định chính xác và đầy đủ khả năng thu nhập của người nộp thuế
- Phải thiết lập nhiều mức thuế khác nhau để vận dụng nguyên tắc này

1.4. NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG HỆ THỐNG THUẾ



❑ NGUYÊN TẮC HIỆU QUẢ

- Hệ thống thuế phải đem lại hiệu quả đối với nền kinh tế là lớn nhất, và hiệu quả thu thuế là lớn nhất.
- Nguyên tắc này hướng tới mục tiêu giảm thiểu đến mức thấp nhất chi phí từ mọi đối tượng song vẫn đảm bảo thu đủ, thu đúng.
- Tối thiểu hóa tổn thất, bảo đảm tính trung lập.



1.4. NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG HỆ THỐNG THUẾ

❑ NGUYÊN TẮC KHÁC

**ỔN
ĐỊNH**

1

**ĐƠN
GIẢN**

2

**RÕ
RÀNG**

3

**MINH
BẠCH**

4

**LINH
HOẠT**

5

1.5. MÔ HÌNH TỔ CHỨC CƠ QUAN THUẾ



- Hệ thống thuế và từng sắc thuế ban hành, thực thi trong thực tiễn trong một khoảng thời gian thích hợp, hạn chế việc sửa đổi, bổ sung từng sắc thuế một cách thường xuyên. Nếu có ban hành sắc thuế mới, phải thông báo trước và có thời gian chuẩn bị thực thi thích hợp.
- Là điều kiện quan trọng để ổn định môi trường đầu tư kinh doanh. CST được đòi hỏi phải phù hợp với thực trạng kinh tế xã hội.
- Hệ thống thuế cần đơn giản để người đóng thuế dễ chấp hành hơn, nhà nước quản lý thuế hiệu quả

1.4. NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG HỆ THỐNG THUẾ



1. Tên gọi
2. Đối tượng nộp thuế.
3. Đối tượng đánh thuế
4. Căn cứ tính thuế
5. Thuế suất và biểu thuế suất.
6. Phương pháp tính thuế
7. Chế độ miễn, giảm, hoàn thuế, ưu đãi thuế
8. Kê khai, thu, nộp, quyết toán thuế.

CÁC YẾU TỐ CỦA
MỘT LUẬT THUẾ

1.4. NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG HỆ THỐNG THUẾ



❑ CÁC YẾU TỐ CẤU THÀNH NÊN LUẬT THUẾ - THUẾ SUẤT

- Thuế suất tuyệt đối
- Thuế suất tương đối:
 - + Thuế suất tỷ lệ cố định.
 - + Thuế suất tỷ lệ lũy tiến (toàn phần / từng phần)
 - + Thuế suất tỷ lệ lũy thoái.



1.5. MÔ HÌNH TỔ CHỨC CƠ QUAN THUẾ

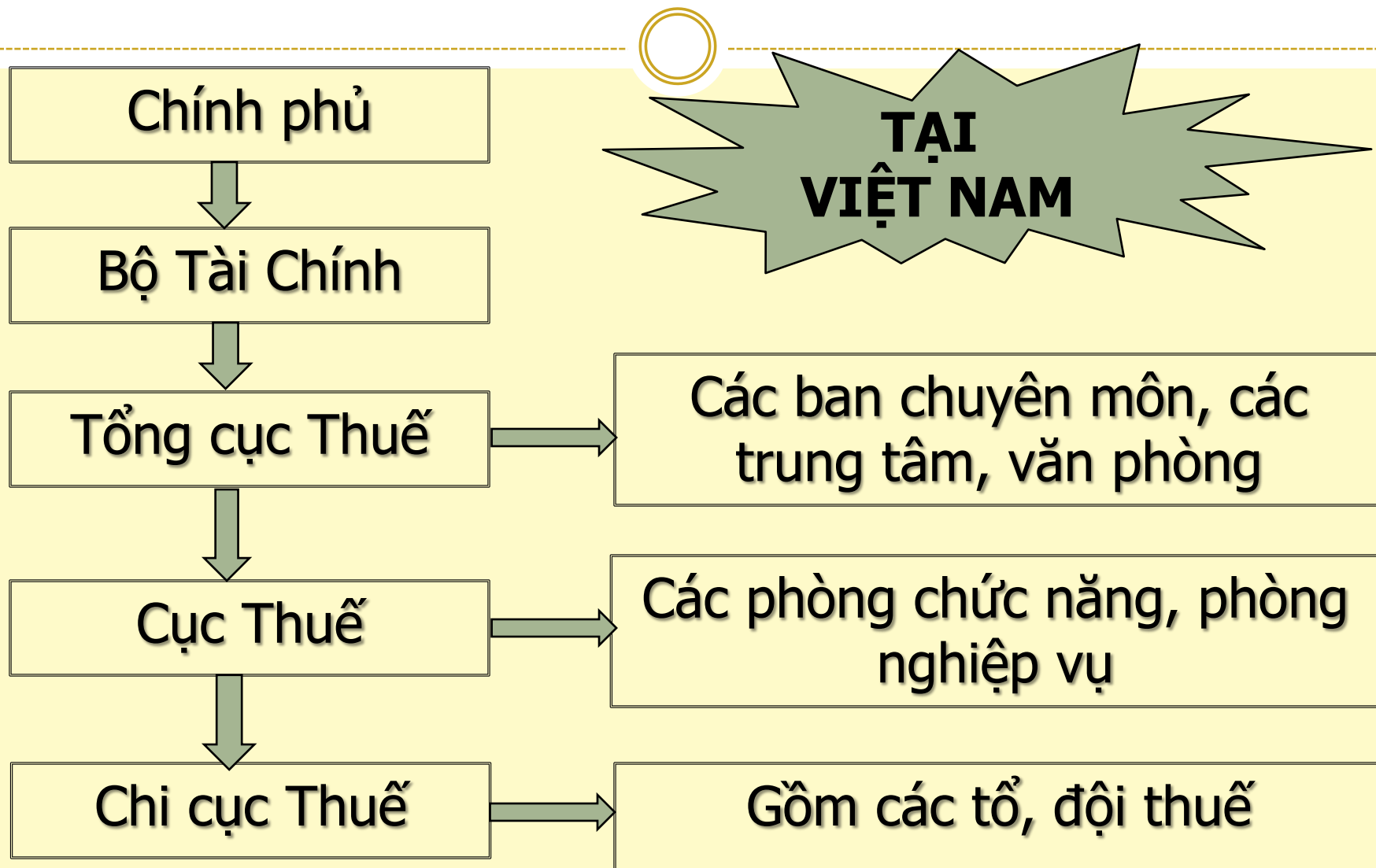


Có hai xu hướng tổ chức bộ máy quản lý thuế.

1. Mô hình **không hoàn toàn phù hợp với bộ máy chính quyền**: cơ quan thuế trung ương, cơ quan thuế vùng, cơ quan thuế các địa phương thuộc vùng (Thụy Điển, Hàn Quốc, Nhật Bản)

2. Mô hình **hoàn toàn phù hợp với bộ máy chính quyền**: cơ quan thuế trung ương \Rightarrow cấp tỉnh/ thành phố \Rightarrow cấp quận/huyện (Việt Nam, Trung Quốc)

1.5. MÔ HÌNH TỔ CHỨC CƠ QUAN THUẾ



1.6. HỆ THỐNG THUẾ VIỆT NAM



1

**KHÁI
NIỆM**

2

**YẾU TỐ
TÁC
ĐỘNG.**

3

**MÔ HÌNH
TỔ CHỨC**

SẮC THUẾ	NGÀY BAN HÀNH
1. Thuế giá trị gia tăng	03/06/2008
2. Thuế tiêu thụ đặc biệt	14/11/2008
3. Thuế xuất nhập khẩu	14/06/2005
4. Thuế bảo vệ môi trường	15/11/2010
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp	03/06/2008
6. Thuế thu nhập cá nhân	21/11/2007
7. Thuế sử dụng đất nông nghiệp	10/07/1993
8. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	17/06/2010
9. Thuế tài nguyên	25/11/2009

1.6. HỆ THỐNG THUẾ VIỆT NAM

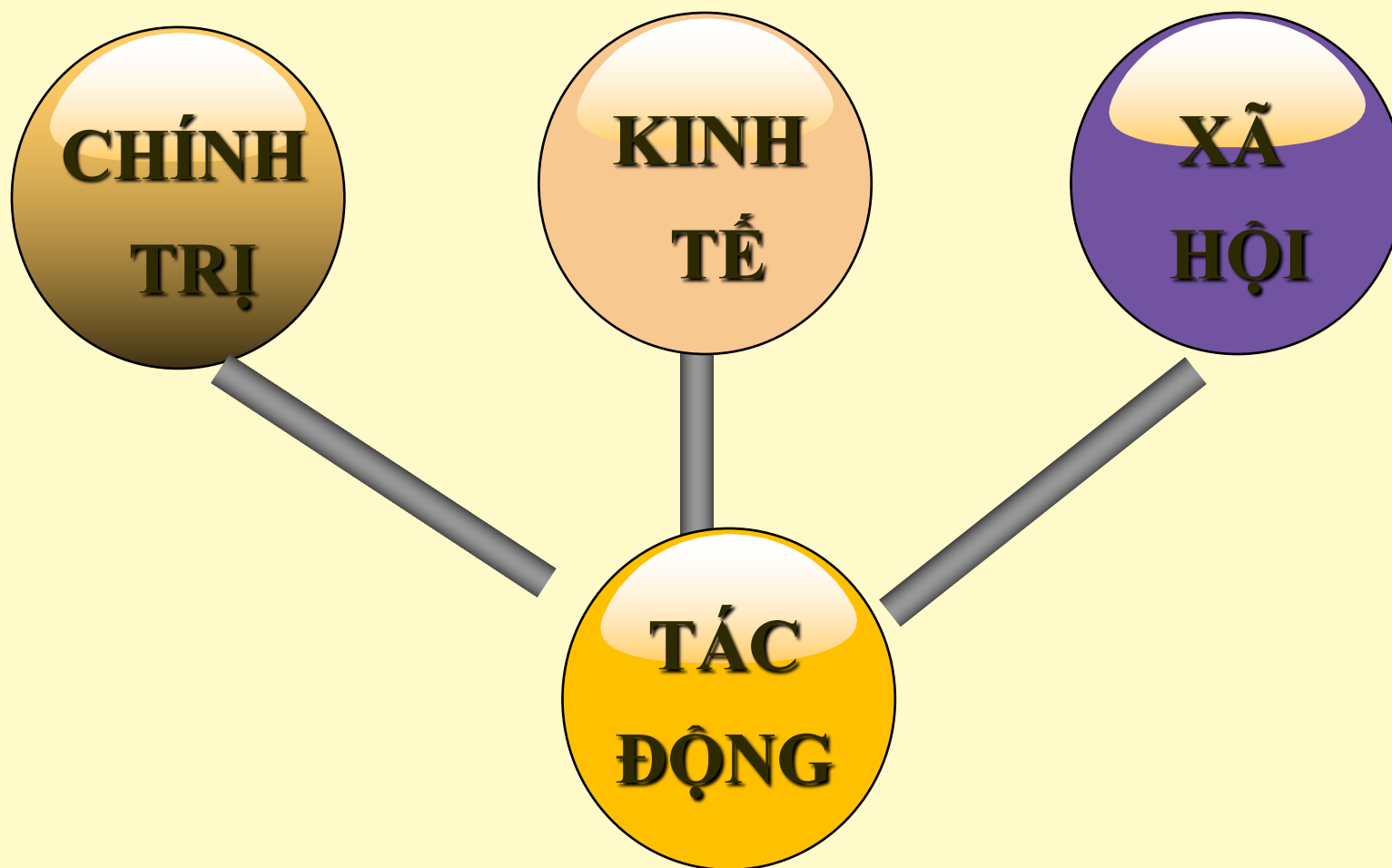


□ KHÁI NIỆM

- Là **tổng hợp các sắc thuế khác nhau** với cơ chế hoạt động, đối tượng điều chỉnh, phương pháp tính thuế, mức độ điều tiết và phương pháp thu nộp khác nhau.
- Là **tổng hợp các hình thức thuế khác nhau** mà giữa chúng có mối quan hệ mật thiết với nhau nhằm thực hiện các nhiệm vụ nhất định của Nhà nước trong từng thời kỳ.



1.6. HỆ THỐNG THUẾ VIỆT NAM



1.7. LUẬT QUẢN LÝ THUẾ TẠI VIỆT NAM

NỘI DUNG
QUẢN LÝ THUẾ

1

2

3

GIỚI THIỆU
LUẬT QUẢN LÝ THUẾ

CẢI CÁCH THUẾ
TRONG GĐ 11-20

1.7. LUẬT QUẢN LÝ THUẾ TẠI VIỆT NAM



❑ VĂN BẢN QUY ĐỊNH.

- LUẬT.
- NGHỊ ĐỊNH.
- THÔNG TƯ

1.7. LUẬT QUẢN LÝ THUẾ TẠI VIỆT NAM



1. Đăng ký thuế, nộp thuế, khai thuế, ấn định thuế.
2. Thủ tục hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế.
3. Xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt.
4. Quản lý thông tin về người nộp thuế .
5. Kiểm tra thuế, thanh tra thuế.
6. Cường chế thi hành quyết định hành chính thuế.
7. Xử lý vi phạm pháp luật về thuế.

NỘI
DUNG

NGUYÊN TẮC TÍNH – KÊ KHAI THUẾ



- Người nộp thuế phải **khai chính xác, trung thực, đầy đủ** các chứng từ có liên quan.
- **Người nộp thuế tự tính số thuế phải nộp**, trừ trường hợp việc tính thuế do cơ quan quản lý thực hiện theo quy định của Chính phủ.
- Việc áp dụng **cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế** được thực hiện trên **cơ sở đề nghị** của người nộp thuế và sự thống nhất giữa cơ quan thuế và người nộp thuế

Đối với loại thuế khai theo tháng, theo quý

Theo tháng Chậm nhất ngày thứ 20 của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế

Theo quý Chậm nhất ngày thứ 30 của quý tiếp theo quý phát sinh NVT

Đối với loại thuế có kỳ tính thuế theo năm

HSKT năm Chậm nhất ngày thứ 30 của tháng đầu tiên của năm dương lịch hoặc năm tài chính

HSKT tạm tính theo quý Chậm nhất ngày thứ 30 của quý tiếp theo quý phát sinh nghĩa vụ thuế

HS quyết toán thuế năm Chậm nhất ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính

Đối với loại thuế khai và nộp theo từng lần phát sinh

Khai và nộp theo
từng lần phát sinh
nghĩa vụ thuế

Chậm nhất ngày thứ **10** của tháng tiếp theo tháng
phát sinh nghĩa vụ thuế

Đối với hành lý mang theo của người Nhập Cảnh, Xuất Cảnh thuộc diện chịu thuế xuất nhập cảnh

Xuất cảnh

Tờ khai được nộp trước khi tổ chức vận tải chấm
dứt việc làm thủ tục nhận hành khách lên phương
tiện vận tải xuất cảnh

Nhập cảnh

Tờ khai được nộp ngày khi phương tiện vận tải đến
cửa khẩu nhập

Chấm dứt hoạt động, chấm dứt hợp đồng, chuyển đổi hình thức sở hữu DN hoặc tổ chức lại DN

Nộp HSKT

Chậm nhất ngày thứ **15** kể từ ngày phát sinh

Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Thời hạn nộp
HSKT

Thực hiện theo quy định của Luật hải quan

Nhập khẩu

Nộp trước ngày hàng hóa đến cửa khẩu hoặc trong thời hạn **30** ngày kể từ ngày hàng hóa đến

Xuất khẩu

Nộp sau khi đã tập kết HH tại địa điểm người khai HQ thông báo/HH chuyển phát nhanh và chậm nhất 08 giờ trước khi phương tiện vận tải xuất cảnh

GIA HẠN NỘP HỒ SƠ KHAI THUẾ



1. Trường hợp: thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ.
2. Thời gian gia hạn:
 - Không quá 30 ngày đối với việc nộp hồ sơ khai thuế tháng, khai thuế quý, khai thuế năm, khai thuế tạm tính, khai thuế theo từng lần phát sinh nghĩa vụ thuế kể từ ngày hết thời hạn phải nộp hồ sơ khai thuế.
 - Không quá 60 ngày đối với việc nộp hồ sơ khai quyết toán thuế, kể từ ngày hết thời hạn phải nộp hồ sơ khai thuế

KHAI BỔ SUNG HỒ SƠ KHAI THUẾ



❑ Trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, người nộp thuế phát hiện Hồ sơ khai thuế đã nộp có sai sót gây ảnh hưởng đến số thuế phải nộp thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế

❑ Đối với hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu:

- Đối với hàng hóa đang làm thủ tục hải quan: trước thời điểm cơ quan hải quan thông báo việc kiểm tra trực tiếp HSHQ
- Đối với hàng hóa đã được thông quan: trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thông quan và trước thời điểm CQHQ quyết định kiểm tra.

THỜI HẠN NỘP HỒ SƠ KHAI THUẾ



Người nộp thuế tính
thuế



Chậm nhất là ngày cuối cùng của thời
hạn nộp hồ sơ khai thuế

Cơ quan thuế tính
hoặc ấn định



Là thời hạn ghi trên thông báo của cơ
quan thuế

Khoản thu từ đất đai,
lệ phí trước bạ



Theo quy định của Chính phủ và pháp
luật có liên quan

ĐỒNG TIỀN NỘP THUẾ



- Bảng đồng Việt Nam trừ trường hợp nộp thuế bằng ngoại tệ theo quy định của Chính phủ.
- Trường hợp phát sinh các khoản **bảng ngoại tệ** hoặc người nộp thuế có nghĩa vụ phải nộp bằng ngoại tệ nhưng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép nộp thuế bằng VND thì phải quy đổi ngoại tệ ra VND theo **tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh(Nghị định số 12/2015/NĐ-CP, Bộ Tài Chính hướng dẫn quy đổi ngoại tệ ra VND theo quy định)**

THỨ TỰ THANH TOÁN THUẾ



CÁC LOẠI THUẾ DO CƠ
QUAN THUẾ QUẢN LÝ

TIỀN THUẾ NỢ



TIỀN THUẾ TRUY THU



TIỀN CHẬM NỘP



TIỀN PHÁT SINH



TIỀN PHẠT

GIA HẠN NỘP THUẾ



Trên cơ sở đề nghị của người nộp thuế thuộc một trong các trường hợp sau:

- Bị thiệt hại vật chất, gây ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh do gặp thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ.
- Phải ngừng hoạt động do di dời cơ sở sản xuất, kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan quan nhà nước có thẩm quyền làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất, kinh doanh.
- Không có khả năng nộp thuế đúng hạn do gặp khó khăn đặc biệt khác theo quy định của chính phủ.

PHẠT NỘP CHẬM



Người nộp thuế chậm nộp tiền thuế so với:

- Thời hạn quy định.
- Thời hạn gia hạn nộp thuế.
- Thời hạn ghi trong thông báo của cơ quan thuế.
- Thời hạn trong quyết định xử lý của cơ quan quản lý thuế.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tiền chậm} & & & & \text{Số tiền chậm} & & \text{Số ngày nộp} \\ \text{nộp} & = & 0,03\% & \times & \text{nộp} & \times & \text{chậm} \end{array}$$

TIỀN PHẠT DO KHAI SAI



Trong trường hợp khai sai dẫn đến thiếu tiền thuế phải nộp hoặc tăng tiền thuế được hoàn thì:

- Nộp đủ số tiền thuế khai thuế, nộp lại số tiền thuế được hoàn cao hơn
- Và bị xử phạt 20% số tiền thuế nộp thiếu, số tiền thuế được hoàn cao hơn.
- Và tiền chậm nộp tính trên số tiền thuế thiếu, số tiền được hoàn cao hơn

NGUYÊN TẮC KÊ KHAI THUẾ



1. Khai thuế Giá trị gia tăng.
2. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp.
3. Khai thuế Tiêu thụ đặc biệt.
4. Khai thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.
5. Khai thuế tài nguyên.
6. Khai thuế bảo vệ môi trường.
7.

KHAI THUẾ GTGT (TRỪ HH XK, NK)



Khai theo tháng	Trừ trường hợp khai theo quý, từng lần phát sinh và khai theo phương pháp khoán
Khai theo quý	Áp dụng đối với người nộp thuế đáp ứng điều kiện có tổng doanh thu của HHDV của năm trước liền kề từ 50 tỷ đồng trở xuống.
Khai theo từng lần phát sinh	Áp dụng đối với HHDV do người nộp thuế kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai mà không thành lập đơn vị trực thuộc tại địa phương cấp tỉnh khác với nơi đóng trụ sở chính

KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



- Khai tạm tính theo quý.
- Khai theo từng lần phát sinh đối với Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật về thuế TNDN.
- Khai theo quý đối với đơn vị sự nghiệp.
- Khai quyết toán năm hoặc khai quyết toán thuế đến thời điểm doanh nghiệp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động

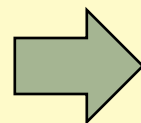
KHAI THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT



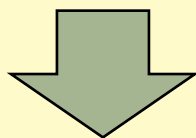
- Khai thuế tiêu thụ đặc biệt theo tháng áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ khai thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa nhập khẩu)
- Khai theo từng lần phát sinh đối với hàng hóa mua để xuất khẩu nhưng được tiêu thụ trong nước

ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XK, NK

- Khai thuế giá trị gia tăng.
- Khai thuế tiêu thụ đặc biệt.
- Khai thuế nhập khẩu.
- Khai thuế xuất khẩu.
- Khai thuế bảo vệ môi trường.



Việc khai thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được thực hiện theo từng lần phát sinh



Trường hợp HH xuất nhập khẩu được **đăng ký tờ khai hải quan một lần để Xuất khẩu, nhập khẩu nhiều lần** theo quy định của pháp luật về hải quan thì việc khai thuế, tính thuế được thực hiện theo từng lần thực tế tại thời điểm làm thủ tục hải quan hàng hóa xuất nhập khẩu

KHAI THUẾ TÀI NGUYÊN



- **Khai theo tháng** áp dụng với tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên, trừ trường hợp quy định tại Điểm b Khoản này, trường hợp khai thuế và xác định số thuế phải nộp theo phương pháp khoán.
- **Khai theo từng lần phát sinh** đối với trường hợp người thu mua tài nguyên **nộp thuế thay** cho người khai thác, tổ chức giao bán tài nguyên thiên nhiên bị bắt giữ, tịch thu thuộc đối tượng chịu thuế tài nguyên.

KHAI THUẾ TÀI NGUYÊN



- Trường hợp trong tháng phát sinh nhiều hơn một lần thu mua tài nguyên, người nộp thuế có thể lựa chọn khai thuế theo tháng.
- Khai quyết toán năm hoặc đến thời điểm chấm dứt hoạt động khai thác tài nguyên, chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, tổ chức lại doanh nghiệp, chấm dứt hoạt động doanh nghiệp

KHAI THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.



- **Khai thuế bảo vệ môi trường đối với hàng hóa nhập khẩu** chịu thuế bảo vệ môi trường(trừ xăng, dầu, mỡ nhờn nhập khẩu của công ty kinh doanh xăng dầu đầu mối) hồ sơ khai thuế thực hiện theo quy định.
- **Khai thuế bảo vệ môi trường theo tháng** đối với hàng hóa chịu thuế bảo vệ môi trường sản xuất(hoặc bao bì thuộc loại để đóng gói sản phẩm hàng hóa mà người mua không sử dụng để đóng gói sản phẩm)bán ra, trao đổi, tiêu dùng nội bộ....

KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN



Khai theo tháng

Khai theo quý

Khai theo năm

Khai theo từng lần phát sinh

KHAI THUẾ MÔN BÀI



- Khai thuế môn bài **một lần** khi người nộp thuế mới ra hoạt động kinh doanh **chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng bắt đầu hoạt động kinh doanh.**
- Trường hợp người nộp thuế mới thành lập cơ sở kinh doanh nhưng chưa thực hiện hoạt động SXKD thì phải khai thuế môn bài trong thời hạn **30** ngày kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế hoặc ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- Khai thuế môn bài **theo năm** trong trường hợp có sự thay đổi về mức thuế môn bài phải nộp

KHOẢN THU THUỘC NSNN VỀ ĐẤT ĐAI



1. Khai theo năm áp dụng với:

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp.
- Tiền thuê đất, thuê mặt nước của các tổ chức, cá nhân thuê đất, thuê mặt nước theo hình thức trả tiền hàng năm.

2. Khai theo từng lần phát sinh áp dụng đối với:

- Tiền sử dụng đất.
- Tiền thuê đất, thuê mặt nước của các tổ chức, cá nhân thuê đất, thuê mặt nước theo hình thức trả tiền một lần cho toàn bộ thời gian thuê.

KHAI THUẾ KHOẢN



1. **Khai thuế theo năm** áp dụng đối với hoạt động kinh doanh thường xuyên của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán.

2. Cá nhân, hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán phải kê khai, nộp:

- Thuế giá trị gia tăng.
- Thuế tiêu thụ đặc biệt.
- Thuế tài nguyên.
- Thuế bảo vệ môi trường.
- Thuế thu nhập cá nhân.

KHAI THUẾ NHÀ THẦU



1. Khai thuế của nhà thầu nước ngoài nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ % tính trên doanh thu (hoặc thuế thu nhập cá nhân)

- Tổ chức nước ngoài:

- Khai thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp theo từng lần phát sinh.
- Khai quyết toán thuế khi kết thúc hợp đồng nhà thầu.

KHAI THUẾ NHÀ THẦU



2. Khai thuế của nhà thầu nước ngoài nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ % tính trên doanh thu (hoặc thuế thu nhập cá nhân)

- Cá nhân nước ngoài:

- Khai thuế giá trị gia tăng theo từng lần phát sinh.
- Khai thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật thuế thu nhập cá nhân

MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP KHÁC



1. Đối với hoạt động khai thác, xuất bán dầu thô, khí thiên nhiên:
 - Khai thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dầu thô thực hiện theo từng lần xuất bán.
 - Khai thuế tài nguyên đối với khí thiên nhiên thực hiện theo tháng.
 - Khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khí thiên nhiên thực hiện theo tháng hoặc theo quý.
 - Khai quyết toán thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dầu thô, khí thiên nhiên theo năm hoặc khi kết thúc, chấm dứt hợp đồng khai thác dầu khí

MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP KHÁC



2. Đối với hoạt động sản xuất thủy điện:

- Khai, nộp thuế giá trị gia tăng: cơ sở sản xuất thủy điện thực hiện kê khai thuế giá trị gia tăng tại địa phương nơi đóng trụ sở chính.
- Khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty thủy điện hạch toán độc lập có các cơ sở sản xuất thủy điện hạch toán phụ thuộc ở địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc TW khác với địa bàn nơi công ty thủy điện đóng trụ sở chính thì thuế thu nhập doanh nghiệp được tính nộp ở nơi có trụ sở chính.
- Khai, nộp thuế tài nguyên: Cơ sở sản xuất thủy điện thực hiện khai, nộp thuế tài nguyên tại địa phương nơi đăng ký kê khai nộp thuế

CẢI CÁCH THUẾ (2011 – 2020)



- Đơn giản hóa thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế liên thông giữa thủ tục hành chính thuế với những thủ tục hành chính khác có liên quan.
- Nghiên cứu sửa đổi quy định về thời gian khai thuế, thay đổi phương pháp tính thuế, mức thuế theo hướng đơn giản, ứng dụng công nghệ thông tin, bổ sung nhiệm vụ điều tra về thuế cho cơ quan thuế, xây dựng và áp dụng chế độ kế toán thuế

CẢI CÁCH THUẾ (2011 – 2020)



- Phân loại người nộp thuế, triển khai đa dạng các dịch vụ hỗ trợ người nộp thuế, hỗ trợ phát triển các tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế.
- Xây dựng, ban hành chế độ quy định về quản lý thanh tra, kiểm tra thuế trên cơ sở quản lý rủi ro, xây dựng cơ sở dữ liệu người nộp thuế.
- Tăng cường đổi mới áp dụng các biện pháp, kỹ năng để giám sát quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế

CẢI CÁCH THUẾ (2011 – 2020)



- Xây dựng bộ máy quản lý thuế hiện đại, hiệu lực, hiệu quả.
- Tăng cường hợp tác, phối hợp với các cơ quan thuế các nước và tổ chức quốc tế.
- Hiện đại hóa, tự động hóa và tích hợp trong quản lý đăng ký kinh doanh và quản lý cấp mã số thuế, mã số hải quan thống nhất, nghiên cứu triển khai mô hình quản lý thu thuế thu nhập cá nhân kết hợp với quản lý thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.